TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HC-ST
Ngày 26/9/2025
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Như Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu

Ông Lê Bá Thừa

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2025/TLST-HC ngày 11/03/2025 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 09 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn C, sinh năm 1943, CCCD 052043000345; địa chỉ: Thôn H 2, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C: Bà Lê Thị D; địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Gia Lai. (Văn bản ủy quyền ngày 07/08/2025). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn C: Ông Nguyễn Thế Vũ – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Nam Luật; địa chỉ: Số 55 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện V

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V

+ Ủy ban nhân dân xã C, huyện V

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Thôn H 1, xã C, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền số 312 ngày 14/08/2025). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị G, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn H 2, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai: Ông Đặng Đình V – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai; địa chỉ: 210 Diên Hồng, phường Q, tỉnh Gia Lai. (Theo giấy ủy quyền số 02/GUQ-TTPTQĐ ngày 29/07/2025). Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Lê Văn C, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Cha của ông Lê Văn C là cụ Lê Văn S sinh ra và lớn lên tại Thôn H 2, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn H 2, xã C, tỉnh Gia Lai). Vào khoảng năm 1960, cụ Lê Văn S đã thực hiện việc khai hoang vỡ hoá diện tích đất khoảng 8.361m^2 toạ lạc tại xóm 2, thôn H 2, xã C có tục danh là Kha đất ruộng giếng có giới cận như sau: Phía Đông giáp suối; phía Tây giáp đất con ông Bơ; Phía Nam giáp đất ông Bình Tiến; phía Bắc giáp suối.

Sau khi khai hoang, cụ S sử dụng đất cho đến khi cụ S mất sau năm 1975 thì cho lại con trai trưởng là ông Lê Văn C trực tiếp sử dụng đất và đã tiến hành bồi trúc, cải tạo, trồng cây nông nghiệp và cây lâm nghiệp cho đến năm 2018 thì ông C cho con gái là bà Lê Thị D sử dụng trồng cây keo đến năm 2022 thì bị Nhà nước thu hồi đất. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với ai và cũng không bị chính quyền địa phương ngăn cấm không cho sử dụng đất. Đồng thời do không hiểu biết pháp luật về đất đai nên cụ S cũng như gia đình ông C không kê khai đất

và cũng không làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông Lê Văn C cho con gái là bà Lê Thị D sử dụng đất cũng không có giấy tờ gì tặng cho.

Đến đầu năm 2022, Công ty Cổ phần B Bình Định mở rộng diện tích sử dụng đất. Công ty Cổ phần B Bình Định đã phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã C thu hồi đất của gia đình ông Có nhưng chỉ đền bù cây trồng trên đất mà không đền bù về đất. Gia đình ông Có đã nhiều lần gặp Ủy ban nhân dân xã C để yêu cầu được nhận đền bù về đất nhưng Ủy ban nhân dân xã trả lời đất do gia đình ông sử dụng là đất của Uỷ ban nhân dân xã nên không được nhận tiền bồi thường.

Không đồng ý với trả lời của Ủy ban nhân dân xã nên ông Có đã làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 không công nhận đơn khiếu nại của ông Có. Do đó, ông Có tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện V thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V đã ban hành Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 bác đơn khiếu nại của ông Có, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân xã C. Việc Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban nhân dân huyện V trả lời khiếu nại cho rằng đất của gia đình ông C là đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý nên không bồi thường tiền đất cho gia đình ông C, trong khi gia đình ông C đã sử dụng đất trên 50 năm là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông C.

Do vậy, ngày 14/02/2025 ông Lê Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định và Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định. Buộc Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai) phải công nhận diện tích đất 8.361,7m² thuộc quyền sử dụng, sở hữu của gia đình ông C và đồng thời chi trả tiền bồi thường về đất cho gia đình ông C.

Nay, ông Lê Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu gì thêm.

2. Tại bản tự khai có tại hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Thửa đất ông Lê Văn C khiếu nại thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² là đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Trước đây, Ban Chỉ huy quân sự xã C canh tác để có quỹ cho lực lượng trực gác đảm bảo ANCT-TTATXH trên địa bàn. Ban Chỉ huy quân sự xã đã sử dụng ổn định, liên tục đến năm 2016 thì ông Lê Văn C tự ý vào chiếm dụng, trồng keo. Ủy ban nhân dân xã đã nhiều lần làm

việc với ông Lê Văn C và ông Lê Văn C cũng thừa nhận đây là đất Ủy ban nhân dân xã quản lý, ông chỉ chiếm dụng trồng keo (có biên bản làm việc).

Ông C cho rằng đây là đất do cha ông (ông Lê S - đã mất) khai hoang có tục danh đất ruộng giếng để sản xuất nông nghiệp là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì ông không cung cấp được giấy tờ chứng minh, thực tế gia đình ông không sử dụng liên tục trên diện tích đất này. Năm 2016, hộ gia đình ông tự ý chiếm dụng (có biên bản làm việc). Trên thực tế, Ban Chỉ huy Quân sự xã sử dụng ổn định trước năm 2016 (có tài liệu chứng minh).

Về việc thu hồi đất và bồi thường:

Năm 2022, Ủy ban nhân dân xã C thu hồi diện tích đất này nhưng không bồi thường đất và cây trồng trên đất cho ông C mà bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C. Ủy ban nhân dân xã không có thẩm quyền thu hồi đất, chỉ có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ; việc xác nhận này được thực hiện đúng quy định.

Trong biên bản làm việc ngày 15/6/2021, ông Lê Văn C cũng thừa nhận đây là đất do ông chiếm dụng nên ông không đề nghị bồi thường đất, chỉ đề nghị nhận tiền bồi thường cây trồng trên đất. Ủy ban nhân dân xã C xác nhận đất do xã quản lý, còn cây trồng do gia đình ông trồng nên xã đã đề nghị tính toán bồi thường cho hộ ông theo quy định.

- Về đất: Diện tích đất này do Ủy ban nhân dân xã C quản lý (đây là đất Nhà nước, nên khi Nhà nước thu hồi không bồi thường cho cá nhân, tổ chức nào). Ông C yêu cầu bồi thường đất là không có cơ sở xem xét giải quyết (đất ông tự ý chiếm dụng sau ngày 01/7/2004).

- Về cây trồng: Tại mục 3, trang 11 bảng chiết tính số 02 ngày 18/5/2021, giá trị bồi thường cây trồng trên đất là 45.787.200 đồng (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm đồng), ông C đã nhận số tiền này, do đó việc cho rằng không được bồi thường cây trồng là không đúng sự thật.

Các nội dung liên quan:

Theo hồ sơ địa chính Ủy ban nhân dân xã C quản lý, hộ ông Lê Văn C đã được Nhà nước cân đối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ là 5.311m^2 đất, trong đó có: đất ở 400m², đất vườn 1.175m², đất lúa 3.736m².

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Lê Văn C là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị giữ nguyên kết quả giải quyết vụ khiếu nại của ông Lê Văn C, địa chỉ thôn H 2, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (nay là xã C, tỉnh Gia Lai) theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C.

3. Tại bản khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

*** Bà Phan Thị G:** Bà là vợ của ông Lê Văn C, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C.

*** Bà Lê Thị D:** Bà là con gái của ông Lê Văn C và bà Phan Thị G. Năm 2018, cha bà là ông Lê Văn C có cho bà thửa đất do ông nội là cụ Lê Văn S để lại, việc tặng cho không có giấy tờ chỉ nói miệng. Sau khi được cho đất, bà sử dụng trồng cây keo đến năm 2022 thì Nhà nước thu hồi đất. Khi thu hồi đất thì gia đình bà chỉ nhận được tiền đền bù cây trồng mà không nhận được tiền đền bù đất. Số tiền nhần đền bù cây trồng là do cha bà là ông Lê Văn C nhận, bà không có ý kiến gì về số tiền này. Bà thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lê Văn C.

4. Tại bản tự khai có tại hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai trình bày:

Thực hiện dự án Đầu tư xây Dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B Bình Định, ông Lê Văn C và bà Phan Thị G có địa chỉ thường trú tại thôn H 2, xã C, huyện V bị thu hồi thửa đất 81, tờ bản đồ số 2, diện tích thửa đất 8.361,7m², diện tích thu hồi 8.361,7m², loại đất RSX.

Theo xác nhận nguồn gốc của Ủy ban nhân dân xã C tại Văn bản số 238/UBND ngày 23/4/2021 đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2 như sau: "*Hộ ông Lê Văn C khai hoang đất đồi núi không có số thửa trên BĐ 299, sử dụng ổn định không tranh chấp trước ngày 01/7/2004 đến nay. Hiện trạng trồng rừng sản xuất và hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Đất nhóm 1, vị trí 2*".

Căn cứ theo xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã C, Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư của dự án đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Lê Văn C với số tiền là 338.446.700 đồng tại Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 26/5/2021, cụ thể như sau:

a/ Kinh phí bồi thường về đất: (8.361,7m² x 14.000đ/m²) = 117.063.800 đồng

b/ Kinh phí hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: (8.361,7m² x 21.000đ/m²) = 175.595.700 đồng

c/ Kinh phí bồi thường cây cối, hoa màu: 45.787.200 đồng

Tuy nhiên, ngày 21/6/2021 Ủy ban nhân dân xã C có Văn bản số 281/UBND về việc đính chính xác nhận nguồn gốc đất của hộ ông Lê Văn C, nội dung đính chính như sau: "*Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2: Đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý, cây trồng trên đất là của ông Lê Văn C"*

Căn cứ theo nội dung đính chính nguồn gốc sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã C, thửa đất số 81 tờ bản đồ số 2 là đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất (Căn cứ theo quy định tại Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013). Do đó, Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư của D án đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh giảm giá trị bồi thường và hỗ trợ về đất đối với thửa đất số 81 tờ bản đồ số 2 của hộ ông Lê Văn C (điều chỉnh giảm giá trị tại Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 02/7/2021), riêng phần cây cối trồng trên thửa đất số 81 tờ bản đồ số 2 vẫn giữ nguyên giá trị bồi thường cho hộ ông Lê Văn C. Ông Lê Văn C đã nhận số tiền bồi thường đối với cây trồng trên thửa đất là: 45.787.200 đồng.

Như vậy, căn cứ theo các văn bản xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã C, đối chiếu với các quy định của chính sách hiện hành, Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai) đã lập phương án và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và lập thủ tục chi trả tiền đối với hộ ông Lê Văn C là đúng theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị D thống nhất với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lê Văn C. Ông Lê Văn C được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

** Về đối tượng khởi kiện:*

Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn

C (lần đầu)" (Gọi tắt là Quyết định 123) và Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần hai)" (Gọi tắt là Quyết định 2289) là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

** Về thời hiệu khởi kiện:*

Sau khi nhận Quyết định số 2289 ngày 13/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần hai)" thì ngày 14/02/2025, ông Lê Văn C có đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện còn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

** Về thẩm quyền giải quyết khiếu kiện:*

Người khởi kiện khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định (nay người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai) nên theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

** Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai và người đại diện theo ủy quyền của người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Quyết định số 123 và Quyết định số 2289 bị kiện:

Theo trình bày của ông Lê Văn C thì thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² tại Thôn H 2, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn H 2, xã C, tỉnh Gia Lai) là đất của cha mẹ ông là cụ Lê S và cụ Nguyễn Thị Ch khai hoang từ năm 1960, sau khi các cụ mất thì cho lại con trai trưởng là ông Lê Văn C sử dụng trồng cây trên đất. Đến năm 2018 thì ông C cho lại con gái là bà Lê Thị D sử dụng trồng cây keo cho đến năm 2022, Công ty Cổ phần B Bình Định thực hiện dự án Đầu tư xây Dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp B Bình Định nên đất của ông bị thu hồi nhưng không được bồi thường về đất lý do Ủy ban nhân dân xã cho rằng đất ông đang sử dụng là do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Hiện nay diện tích đất trên đã bị Công ty B Bình Định san bằng nên không xác định được vị trí đất, do vậy ông C không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ.

Xét thấy việc ông Lê Văn C cho rằng thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² gia đình ông đang sử dụng là đất do cha mẹ ông khai hoang từ năm 1960 là không có cơ sở, bởi lẽ:

Quá trình sử dụng đất cũng như tặng cho đất trong gia đình ông C đã không thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai, cụ thể: Không kê khai tại Ủy ban nhân dân xã về thửa đất và cũng không làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất không đề ngày tháng, năm 19...do ông Lê Văn C ký nộp tại Ủy ban nhân dân xã C (Bút lục 121) thể hiện ông C kê khai 07 thửa đất thuộc các tờ bản đồ số 07 và 10, nhưng không có kê khai thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện đất ông Lê Văn C khiếu nại thuộc thửa 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² là đất do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Trước đây, Ban Chỉ huy quân sự xã C canh tác để có quỹ cho lực lượng trực gác đảm bảo ANCT-TTATXH trên địa bàn. Ban Chỉ huy quân sự xã đã sử dụng ổn định, liên tục đến năm 2016 thì ông Lê Văn C tự ý vào chiếm dụng, trồng keo. Ủy ban nhân dân xã đã nhiều lần làm việc với ông Lê Văn C và ông Lê Văn C cũng thừa nhận đây là đất Ủy ban nhân dân xã quản lý, ông chỉ chiếm dụng trồng keo, cụ thể tại các Biên bản làm việc ngày 17/7/2018 và ngày 15/6/2021 tại Ủy ban nhân dân xã C (Bút lục từ 108-111) có chữ ký của ông Lê Văn C thể hiện nội dung ông Lê Văn C thừa nhận *"Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² là đất thuộc Ủy ban nhân dân xã C quản lý, trước đây là xã đội C canh tác ... tôi tự trồng cây trên đất, mong Ủy ban nhân dân xã C giải quyết phần đền bù hoa màu trên đất...còn đền bù về đất thuộc Ủy ban nhân dân xã C, hộ tôi không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.."*.

Tại Khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

"1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp".

Tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân:

"Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này".

Như vậy, ông Lê Văn C không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² là của gia đình ông khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1960, nên có căn cứ xác định thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² tại Thôn H 2, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là Thôn H 2, xã C, tỉnh Gia Lai) là do Ủy ban nhân dân xã C quản lý.

Do đó, việc ông Lê Văn C khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất là không căn cứ nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần đầu)" không công nhận nội dung khiếu nại của ông Lê Văn C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần hai)" công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định 123 là có cơ sở và đúng quy định của Luật khiếu nại, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

Đối với việc ông Lê Văn C sử dụng thửa đất số 81, tờ bản đồ số 2, diện tích 8.361,7m² trồng cây keo thì Ban giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai) đã lập phương án và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và lập thủ tục chi trả tiền đối với hộ ông Lê Văn C và ông C đã nhận số tiền bồi thường đối với cây trồng trên thửa đất là 45.787.200 đồng. Ông Lê Văn C và con gái là bà Lê Thị D không có ý kiến gì về việc bồi thường cây trồng trên đất.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông Lê Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai) phải công nhận diện tích đất 8.361,7m² thuộc quyền sử dụng , sở hữu của gia đình ông C và đồng thời chi trả tiền bồi thường về đất cho gia đình ông C.

Như đã phân tích tại mục [2.1], việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần đầu)" và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần hai)" là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai) chi trả tiền bồi thường về đất cho gia đình ông C.

Về yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai phải công nhận diện tích đất 8.361,7m² thuộc quyền sử dụng, sở hữu của gia đình ông C thì theo quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu này không phải là quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc thẩm quyền của Tòa án theo Luật tố tụng hành chính.

[3] Về án phí: Do ông Lê Văn C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 347, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2013;

Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ điểm h, điểm i khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ *"Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai"*.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lê Văn C yêu cầu Tòa án:

- Hủy các Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần đầu)" và Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C (lần hai)"

- Buộc Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định (Nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai) phải công nhận diện tích đất 8.361,7m² thuộc quyền sử dụng, sở hữu của gia đình ông C và đồng thời chi trả tiền bồi thường về đất cho gia đình ông C.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Lê Văn C được miễn án phí án phí hành chính sơ thẩm

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà HC, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Như Phượng